

Tươi Tắm Vun Trồng Hoa Tuệ Giác

Minh Đăng

Chúng tôi xin trình bày sự khác nhau giữa trí thông minh và tuệ giác qua những nhân vật Thúy Kiều, Từ Hải và Hoạn Thư.

Thúy Kiều tuy rất thông minh nhưng bị sai sử bởi đam mê tình dục. Cũng vì cái đam mê tình dục này mà Từ Hải, chẳng những đã mất hết chí khí hiên ngang của một danh tướng dũng mãnh, mà còn bị chết thảm thương, trước một Hồ Tôn Hiến gian manh, đê tiện. Con người:

*“Chọc trời khuấy nước mặc dầu
Đọc ngang nào biết trên đầu có ai”*

vì tôi bởi hoa lá trong tình trường mà lâm vào cảnh bị đát:

*“Trơ trơ nắm đất bờ sông nọ
Hồn có nghe chăng, hỏi, tiếng đàn?”*

(Đây là tiếng đàn “gió tui mưa sâu” của Thúy Kiều bị Hồ Tôn Hiến ép buộc hầu hạ trong tiệc khao quân, để rồi sau đó, họ Hồ vì đắm mê hương sắc của nàng mà cưỡng chế tình dục.)

Òi, đau đớn sao, tội nghiệp làm sao cho Thúy Kiều, cho Từ Hải, mà cũng đau đớn làm sao, tội nghiệp làm sao cho Hồ Tôn Hiến, một quan Tổng đốc trọng thần đã bị tiền tài, danh lợi và sắc dục chôn vùi trong tội lỗi của bao nhiêu kiếp lầm mê.

Chúng tôi đã trình bày cái trí thông minh của thế sự thường tình như trên để đi lần đến nhận định dứt khoát như sau:

- Trí thông minh sai sử bởi dục vọng (tiền tài, danh lợi, sắc dục) đưa đến tội lỗi khôn lường (điển hình là Hồ Tôn Hiến).
- Tuệ giác (trí tuệ), theo quan niệm nhà Phật, không phải là trí thông minh, mà là tình thương và sự hiểu biết, vì thật sự thương nên hiểu, vì thực sự hiểu mà thương.
- Có trí thông minh thì có khả năng xây dựng nhưng đồng thời cũng có khả năng phá hoại, hủy diệt. Do đó, người càng thông minh mà không chế ngự được dục vọng của mình, thì

càng gây nhiều tội ác, tạo nhiều khổ đau.

- Trái lại, có tuệ giác thì hiểu nhau, cảm thông nhau, thương nhau thật sự, cho nên nương tựa vào nhau, để cùng nhau đi trên con đường giải thoát với từng bước chân thanh thân, vững vàng.

Chúng tôi nhận thấy trình bày trí thông minh của Thúy Kiều, Từ Hải và Hồ Tôn Hiến mà bỏ qua Hoạn Thư, là một điều thiếu sót, vì Hoạn Thư quả thật là một quái kiệt trong giới nữ lưu. Nàng không phải chỉ là một quái kiệt trong giới nữ lưu thời phong kiến, mà theo thiên ý, cái tài “nói lời ràng buộc” của nàng—sai sử bởi trí thông minh—ăn bứt các luật sư, các chánh khách của thời đại computer này.

Để hiểu rõ Hoạn Thư chúng ta hãy theo dõi thái độ của nàng và cách cư xử của nàng:

1. Đối với Thúc Sinh, người chồng yếu hèn, sợ vợ mà mê gái nên nhắm mắt để lăn lóc trong tình trường và
2. Đối với Thúy Kiều, cô gái tài sắc vẹn toàn bị đưa đây vào chốn lầu xanh và đã làm cho Thúc Sinh ngây ngất trong men tình.

Thúc Sinh theo cha (Thúc Ông) lên huyện Lâm Truy để mở một ngôi hàng. Nhưng thay vì chung sức với cha trong công cuộc làm ăn:

*“Thúc Sinh quen nét bốc rời
Trăm nghìn đôi một nụ cười như không”*

Trận cười ở đây là trận cười là loi trong chốn lầu xanh.

Trước ý định và ao ước của Thúc Sinh muốn cưới nàng làm vợ bé, Thúy Kiều tuy có say mê Thúc Sinh—và mong muốn thoát khỏi chốn lầu xanh—nhưng vẫn nói năng nhẹ nhàng, chững chạc:

*“Nàng rằng: muôn đời on lòng
Chút e bên thú, bên tông để đâu?”*

(Thú là kết hôn; bên thú là bên Thúc Sinh kết hôn với Hoạn Thư. Bên tông là bên Thúy Kiều

đi theo Thúc Sinh về ở chung với Hoạn Thư.)

Thúy Kiều tỏ ra dè dặt và nhắc nhở Thúc Sinh phải xử sự khôn ngoan, khéo léo:

*“Thương sao cho trọn thì thương
Tính sao cho trọn mọi đường thì vâng”*

Thúc Sinh, con người sợ vợ nhứt trong hạng người sợ vợ lại nổi máu anh hùng, phát ngôn “dõng mãnh”: “có qua mà em. Bộ em không hiểu qua sao?”

*“Sinh rằng hay nói dè chừng
Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao?
Đường xa chớ ngại Ngô Lào
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta
Đã gần chi có đường xa
Đá vàng cũng quyết phong ba cũng liêu”*

Thật ra Thúc Sinh chỉ tuyên bố huyênh hoang để được lẫn lóc trong tình trường và nhắm mắt trước phong ba.

Cái phong ba đầu tiên do Thúc Ông (cha Thúc Sinh) gây ra chớ không phải do Hoạn Thư.

Khi biết được Thúc Sinh đã “bảo lãnh” nàng Kiều để đưa về tổ uyên ương thì Thúc Ông nổi trận lôi đình:

*“Quyết ngay biện bạch một bề
Dạy cho má phần phải về lầu xanh”*

Do đó, Thúc Ông quyết nhờ đến cửa công xét xử. Nhưng “má phần” vì đã ân ái mặn nồng với Thúc Sinh và muốn tránh xa cõi nhơ nhớp nên không chịu về lầu xanh. Vì vậy, Thúy Kiều phải bị đánh đập vô cùng tàn nhẫn. Trước cái phong ba này, Thúc Sinh không còn bình tĩnh để can thiệp, chàng chỉ đứng xa mà nhìn:

*“Nghĩ tình chàng Thúc mà thương
Nẻo xa trông thấy, lòng còn xót xa.”*

Thúc Sinh, con người yếu đuối nhứt trong hạng đàn ông yếu đuối chỉ biết khóc than, rên siết và tự thú lỗi lầm, nhưng tuyệt nhiên không dám can thiệp.

Cũng may là tiếng khóc than rên siết và lời tự thú lỗi lầm của Thúc Sinh đã lọt vào tai Quan Tri Huyện Lâm Truy nên cuộc tra tấn Thúy Kiều được tạm dừng lại, và Quan Tri Huyện đã hỏi Thúc Sinh để hiểu rõ sự tình. Được Thúc Sinh

cho biết Thúy Kiều không phải là cô gái giang hồ nhơ nhớp, mà chính là một cô gái có học và biết điều, chỉ nghe lời chàng để thoát khỏi chốn lầu xanh và kết duyên với chàng.

Quan Tri Huyện bèn cười khì và nói: “có học và biết điều hả? Vậy làm bài thơ cái gông đi”.

*“Cười rằng: Đã thế thì nên
Mộc già, hãy thử một thiên trình nghệ.”*

(Mộc già là cái gông mà Thúy Kiều phải mang vào cổ, khi bị đánh đập trước cửa công.)

Bài thơ cái gông của con người hồng nhan bạc phận đã làm cho Quan Tri Huyện vô cùng thán phục. Do đó, ông đã cho phép Thúc Sinh và Thúy Kiều cử hành hôn lễ và Thúy Kiều đã trở thành cô dâu hiền của nhà họ Thúc.

Một năm ân ái mặn nồng đã trôi qua. Thúc Sinh lẫn lóc trong tình trường không hề nghĩ đến người vợ, Hoạn Thư, chần đờn gối chiếc trong chốn cô phòng.

Sau cùng, Thúy Kiều phải nhắc nhở Thúc Sinh về thăm Hoạn Thư và nói rõ là nàng chấp nhận vai trò và bổn phận của người vợ nhỏ:

*“Nàng rằng: non nước xa khơi
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm ...
... Đôi ta chút nghĩa đèo bồng
Đến nhà trước liệu nói sòng cho mình.
Dù khi sóng gió bất bình
Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi.”*

Sau lời nhắc nhở, khuyên lơn của Thúy Kiều, Thúc Sinh đành phải về thăm Hoạn Thư để nói rõ sự tình. Cuộc chia ly của đôi uyên ương đã được tiên sinh Nguyễn Du diễn tả bằng những câu thơ tuyệt vời:

*“Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh an
Trong người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh
Kẻ đi muôn dặm, một mình xa xôi.
Vàng trăng ai xé làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.”*

Hoạn Thư là con quan Lại bộ, có nhà cao cửa rộng với nhiều người giúp việc hầu hạ. Cái đặc

tính nổi bật của nàng là:

*“Ở ăn thì nét cũng hay
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.”*

Là một người đàn bà phong lưu đài các, thông minh độc đáo, lại rất tự hào, Hoạn Thư vô cùng tức giận khi bị Thúc Sinh hững hờ, bỏ bê suốt một năm dài. Nàng không hề nhận được một lá thư thăm hỏi từ Thúc Sinh mà chỉ nghe những lời đồn đãi: Thúc Sinh có cô mèo đẹp lắm và chàng đã đắm đuối trong tổ uyên ương thơ mộng.

Nàng giận lắm, tức lắm:

*“Lửa tâm càng giập càng nồng
Trách người đen bạc, ra lòng trắng hoa.”*

nhưng nàng khôn ngoan đáo để:

*“Đại chi chẳng giữ lấy nền
Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình?”*

Càng nghĩ đến Thúc Sinh thì Hoạn Thư càng tức giận, càng nổi cơn ghen và càng khinh thường, nhưng nàng đề nén cơn giận, che dấu cơn ghen để bày mưu lập kế cho kẻ bạc tình biết tay:

*“Lại còn bung bít dấu quan
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
Tính rằng cách mặt khuất lời
Dấu ta ta cũng liệu bài dấu cho!
Lo gì việc ấy mà lo
Kiến trong miệng chén lại bỏ đi đâu?
Làm cho nhìn chẳng được nhau
Làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên!”*

Trong lúc nàng bày mưu sắp kế như vậy, có hai người đến mách với nàng về việc Thúc Sinh có vợ bé, thì nàng giả đồ giận dữ và bảo rằng:

*“Chồng tao nào phải như ai
Điều này ắt hẳn người ngoài thị phi.”*

Quát mắng xong, nàng lại:

*“Vội vàng xuống lệnh ra uy
Đưa thì và miệng đưa thì bé răng!”*

Thế là:

*“Trong ngoài kín mít như bung
Nào ai còn dám nói năng một lời?
Buồn đào khuya sớm thành thoi
Ra vào một mực, nói cười như không.”*

Trời đất quý thần ơi! Bà con cô bác ơi! Vừa giận, vừa tức, vừa ghen, vừa bày mưu lập kế để trả thù như vậy mà lại:

*“Buồn đào khuya sớm thành thoi
Ra vào một mực, nói cười như không.”*

thì “bàn đạo này” xin phục lăn và gơ cả hai tay lên đầu hàng vô điều kiện.

Hoạn Thư ngày đêm vẫn nhớ nghĩ đến Thúc Sinh và căm giận người chồng mê gái, bạc tình, nhưng khi Thúc Sinh vừa về đến nhà thì nàng ra đón rước với nụ cười tươi mát của người “vợ hiền”:

*“Lời tan hợp, nổi hàn huyền
Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.”*

Thúc Sinh thấy Hoạn Thư tinh bơ nên quên hết lời dặn của Thúy Kiều và cũng giả đồ tinh bơ, “thủ khẩu như bình”.

Đôi lúc Hoạn Thư cũng có vài lời nói bóng, nói gió để mở đường cho Thúc Sinh nói hết sự thật, nhưng cái anh chàng sợ vợ và quá yếu hèn trước nanh vuốt của sư tử Hà Đông luôn luôn tự nhủ: “Nào ai có khảo mà mình lại khai”. Thế rồi, hay thật là hay, cặp vợ chồng Thúc-Hoạn cứ tinh bơ trong tình trường:

*“Những là cười phấn cợt son
Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.”*

Một năm lặng lẽ trôi qua. Thúc Sinh và Hoạn Thư vẫn hương lửa mặn nồng trong tình chồng vợ. Hoạn Thư vẫn nói năng dịu dàng. Nàng vẫn chờ đợi Thúc Sinh kể hết sự thật và nói hết lỗi lầm của mình, nhưng Thúc Sinh vẫn thủ khẩu như bình.

Sau cùng Hoạn Thư mới thô thê: “Anh ơi, anh lo liệu sắp xếp đi về Lâm Truy thăm cha đi chớ”.

Thúc Sinh vô cùng sung sướng. Chưa bao giờ chàng thấy người đẹp Hoạn Thư dễ thương như vậy. Trước đây, nghe lời Thúy Kiều chàng phải buộc lòng về thăm vợ (để thú tội và hòa giải), bây giờ nghe lời vợ, chàng sướng mê ly vì được thăm mèo (chứ không phải thăm cha).

Một năm trôi qua. Nếu Thúc Sinh và Hoạn Thư bề ngoài sống yên như bàn thạch trong nghĩa tào khang, thì Thúy Kiều thực sự khắc khoải nhớ

Thúc Sinh, lo lắng cho anh chàng sợ vợ và lo lắng cho thân phận của chính mình:

*“Tóc thề đã chấm ngang vai
Nào lời non nước, nào lời sắc son.
Sấn bìm chút phận con con
Khuôn duyên biết có vương tròn cho chăng?”*

(Sấn bìm cũng như cát lũy, dùng để chỉ thân phận người vợ lẽ.)

Thúy Kiều đau khổ. Thúc Sinh “tinh bơ” và Hoạn Thư cũng “tinh bơ”. Nhưng trong suốt một năm dài, cái tinh bơ của Thúc Sinh là cái tinh bơ giả tạo của người đàn ông lù khù, yếu đuối và sợ vợ, còn cái tinh bơ của Hoạn Thư là cái tinh bơ của mẹ đàn bà dõng mãnh, có thủ đoạn phi thường, cho nên, ngay khi Thúc Sinh vừa cưới ngựa ra khỏi cổng thì Hoạn Thư đến thò thè với mẹ và cho biết dứt khoát về kế hoạch và âm mưu của mình:

*“Thưa nhà huyên hết mọi tình
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
Nghĩ rằng ngựa ghê hờn ghen
Xấu chàng mà có ai khen chi mình
Vậy nên ngoảnh mặt làm thinh
Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
Lâm Truy đường bộ thảng chày
Mà đường hải đạo sang ngay thì gần.
Dọn thuyền lựa mặt gia nhân
Hãy đem dây xích buộc chân nàng về.
Làm cho, cho mệt, cho mê
Làm cho đau đớn, ê chề cho coi!”*

Nhà mưu lược Hoạn Thư đã sắp xếp kế hoạch tinh vi và hữu hiệu. Đi Lâm Truy bằng đường bộ thì xa, bằng đường biển thì gần. Công việc giao cho hai gia nhân Khuyển và Ưng cùng một số thuộc hạ đi thuyền và đến thẳng tổ uyên ương của Thúc Sinh và Thúy Kiều, trước khi Thúc Sinh đến bằng ngựa.

Chúng tôi nhắm mắt lại để xem một cuốn phim táo bạo, hay hơn tất cả các loại phim táo bạo thời phong kiến. Một anh chàng ruổi ngựa phi nhanh trên đường dài. Một chiếc thuyền căng buồm lướt sóng. Trên thuyền có hai tên Khuyển, Ưng và một số côn đồ đàng đàng sát khí. Bọn côn đồ xông vào nhà, tuốt gươm đe dọa, chụp thuốc mê nàng Kiều, châm lửa đốt nhà, quăng một thầy

chết bên bờ sông vào căn nhà đang cháy. Đưa nạn nhân lên ngựa, quăng nàng xuống thuyền, trói nàng lại.

Thúc Ông và gia nhân ngỡ ngác trước căn nhà cháy. Hốt hơ hốt hải chạy tìm Thúy Kiều. Phát giác một thầy chết cháy trong đồng tro tàn. Tin chắc là Thúy Kiều bị chết cháy. Mai táng nàng trong khổ đau.

Thúc Sinh cưới ngựa về đến nơi thì hỏi:

*“Bước vào chốn cũ lâu thư
Tro than một đống, nắng mưa bốn tường
Sang nhà cha tới trung đường
Linh sàng bài vị, thờ nàng ở trên.”*

Trong lúc đó thuyền lướt sóng trở về nhà Hoạn Thư. Nạn nhân bị trói chặt bằng dây xích, được giao cho nữ chúa Hoạn Thư. Nàng bị làm nô tỳ, bị đánh đập hành hạ dã man.

Thúc Sinh và Thúy Kiều thật sự chỉ là những món đồ chơi của Hoạn Thư. Thúc Sinh và Thúy Kiều đâu có biết chàng và nàng còn phải đương đầu với nhiều trò chơi quý khốc thần sầu do Hoạn Thư sắp xếp.

Ngày tháng trôi qua, Thúc Sinh trở về thăm vợ. Hoạn Thư niềm nở ra cửa đón chào, nói cười tươi mát.

Đợi anh, anh lại về. Nhưng anh không về trong cái cười ngạo nghễ mà anh lại về trong vẻ mặt tang thương! Hoạn Thư liền gọi lớn: “Hoa nô ơi, hãy mau ra đón mừng khách quý.” Hoa nô—tức người tớ gái đẹp để mặc mà—vừa ra tới cửa thì choáng váng rụng rời, vì hoa nô đó chính là Thúy Kiều, còn người khách quý không ai khác hơn là Thúc Sinh. Cả hai đều cảm thấy mình bị “nắng quáng đèn lòa”. Thúc Sinh thì nghĩ rằng Thúy Kiều đã bị chết cháy từ lâu, còn Thúy Kiều không thể ngờ rằng con người Hoạn Thư lại chơi cái trò kinh thiên động địa như vậy.

Thúy Kiều chỉ biết khóc thầm:

*“Chước đâu, có chước lạ đời
Người đâu mà lại có người tình ma!
Rõ ràng thật lừa dối ta,
Làm ra con ở, chủ nhà, đôi nơi!
Bề ngoài thon thót nói cười
Mà trong nham hiểm, giết người không dao!”*

“Bần đạo” thấy đau nhói trong tim và chỉ còn biết rí tai Thúy Kiều:

“Hoạn Thư trung tiểu hữu đao
Trời cao đất thấp, làm sao bây giờ?
Kiều ơi, giả điếc làm ngơ
Giả đui chẳng thấy, phớt lờ cho yên.”

(Hoạn Thư trung tiểu hữu đao = trong cái cười của Hoạn Thư có con dao).

Nhưng đối với Hoạn Thư đâu phải dễ dàng như vậy. Trò chơi còn kéo dài.

Trong lúc Thúy Kiều ngơ ngác khổ đau, Thúc Sinh nhìn nàng khóc sụt sướt, thì Hoạn Thư thỏ thẻ oanh vàng “Anh ơi, sao mới về thăm em, anh không vui mà lại khóc?”. Thúc Sinh run lên cầm cập: “Em ơi, anh thương nhớ mẹ quá chừng!”.

– *Anh của em dễ thương quá, có hiếu quá. Nay hoa nô! Hãy mau bày tiệc rượu để vợ chồng chị thưởng thức trăng thu.*

Trong bữa tiệc tao phùng, Hoạn Thư quát mắng Thúy Kiều cho nàng nhục nhã khổ đau trước Thúc Sinh và cho Thúc Sinh ê chề xấu hổ trước Thúy Kiều:

“*Vợ chồng chén tạc chén thù
Bắt nàng rót rượu, chực hầu đôi nơi
Bắt khoan, bắt nhặt, đến lời
Bắt quý tận mặt, bắt mời tận tay.*”

(Bắt khoan, bắt nhặt, đến lời có nghĩa là: từ lời nói đến cử chỉ, chậm (khoan) cũng bị mắng mà nhanh (nhặt) cũng bị la).

Thúc Sinh khổ đau quá, giả đồ say để van xin “bà” cho đi nghỉ thì:

“*Tiểu thơ vội thết: con Hoa!
Khuyên chàng chẳng cần thì ta có đờn!*”

Trong lúc “chủ nhà và con ở” ngẩn ngơ như người mất trí, thì Hoạn Thư lại bày ra trò chơi khác thật là “lý thú”:

“*Rằng: hoa nô đủ mọi tài
Ngón đàn thử dạo một bài chàng nghe.*”

Đau đớn làm sao, tội nghiệp làm sao cho Thúy Kiều:

“*Nàng đà choáng váng tê mê
Vàng lời ra trước bình the vận đàn:
Bốn dây như khóc như than
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!
Cùng trong một tiếng tơ đồng
Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm!*”

(Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm có nghĩa là bên ngoài thì Thúy Kiều và Thúc Sinh phải cười, nhưng bên trong thì khóc).

“Thúy Kiều ơi, Thúc Sinh ơi, tôi thương hai người lắm và cảm thông cái khổ của hai người: hai người được Hoạn Thư cho phép khóc, nhưng không được khóc trong dòng lệ mà phải khóc trong tiếng cười!”

Quả thật như vậy, khi Thúc Sinh cúi xuống, lén lén gạt dòng lệ thì Hoạn Thư quát: “Hoa nô, sao không có ý tứ gì hết, trong cuộc vui mà gảy khúc đoạn trường. Chồng bà mà mất vui thì mi phải biết tay bà”.

Bữa tiệc tao phùng kéo dài đến canh ba (nửa đêm). Hoạn Thư rất tự đắc và vui sướng vì đã thành công:

“*Lòng riêng tập tểnh mừng thầm
Vui này đã bỏ đau ngậm lâu nay.*”

Thế là đã khổ đau hơn một năm trời, nàng đã sắp xếp kế hoạch trong âm thầm đau khổ, nhưng bề ngoài nàng vẫn tỉnh bơ, thơn thớt nói cười. Trong bữa tiệc thần sầu quý khóc này, cái khổ đau khắc khoải của nàng đã được đền bù bằng cái ê chề đau đớn của Thúy Kiều và Thúc Sinh.

Bữa tiệc chấm dứt. Hoạn Thư tỉnh bơ đưa chàng về chốn loan phòng, tỉnh bơ như không có việc gì xảy ra.

“Bần đạo” thì không tỉnh bơ, nên la hoảng: “Thiên địa thánh thần ơi, hãy ngó xuống mà coi, ở nước Đức có ông Hít-Le, ở bên Tàu có bà họ Hoạn.”

Ông Hít-Le ơi là ông Hít-Le! Trong thế chiến khốc hại, ông đã dùng đủ các loại chiến xa, phi cơ, tàu thủy, súng đạn, bom bay, hơi ngạt ... ông đã quất tháo lung tung, nói năng hục hặc, để rồi ông thua trận và chết thảm. Ông Hit-Le ơi là ông Hít-Le! Hãy nghe lời “bần đạo”:

“Ông về học cách nói năng
Tâm sư học đạo, tìm nàng Hoạn Thư:
Bề ngoài thon thót nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao.”

(Trích Tập San Pháp Bảo, số 56)

Minh Đăng

